

Số: 490 /KH-UBND

*Gia Lai, ngày 06 tháng 03 năm 2023*

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 07/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 17/10/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025 với nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình), góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, xây dựng miền quê đáng sống.

- Nâng cao hiệu quả sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ của Chương trình; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cộng đồng và người dân trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### **2. Yêu cầu**

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan xây

dựng kế hoạch hành động và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Tối thiểu 55% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; trên 10% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán.

- Ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; triển khai 1 - 2 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp.

- Ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

- Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và 60% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Có 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Có 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống (nếu có) được thu gom và xử lý theo quy định.

- Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

- Có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; từ 66% số xã trở lên có tổ cộng đồng tự quản về an toàn thực phẩm.

- Ít nhất 85% hộ gia đình nông thôn và 95% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

### III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

#### 1. Phân loại, thu gom, trung chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý nước thải sinh hoạt

##### a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Hướng dẫn và hỗ trợ (kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học) xây dựng mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn quy mô hộ gia đình và cộng đồng dân cư và xử lý rác thải (phân bón hữu cơ, nhựa tái chế,...) sau khi phân loại theo hướng tái chế và tuần hoàn khép kín.

- Hỗ trợ hình thành mạng lưới thu gom (các tổ, đội, hợp tác xã trong thu gom, tập kết chất thải); bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan quy mô thôn, xã.

- Xây dựng một số mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (như sản phẩm phân bón hữu cơ, nhựa tái chế ...).

- Xây dựng một số mô hình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

##### b) Nước thải sinh hoạt

- Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

- Xây dựng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và khu dân cư phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

- Triển khai thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

#### 2. Cấp nước sạch nông thôn, trữ nước ngọt tại các vùng khó khăn về nguồn nước

a) Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước (vùng hạn hán, thiếu nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và thích ứng với biến đổi khí hậu,...).

c) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có (trong đó tập trung nâng cấp công nghệ xử lý chất lượng nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu).

d) Hỗ trợ xây dựng thí điểm một số mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình, mô hình cấp nước hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu cho dân cư vùng đặc thù, chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, khan hiếm, khó khăn về nguồn nước.

### **3. Kinh tế tuần hoàn trong xử lý chất thải và phụ phẩm nông nghiệp**

a) Thực hiện việc xử lý chất thải và phụ phẩm trong nông nghiệp.

b) Xây dựng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, khép kín, đa giá trị.

c) Mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ.

d) Xây dựng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp.

### **4. Cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, môi trường làng nghề theo hướng xanh và bền vững**

a) Cảnh quan môi trường nông thôn

- Xây dựng mô hình cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng khi bị ô nhiễm.

- Xây dựng mô hình cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp gắn với văn hóa vùng miền; phát triển các tuyến đường hoa, cây xanh bóng mát.

b) Bảo vệ môi trường làng nghề

Hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề truyền thống (nếu có) bị ô nhiễm gắn với phát triển du lịch nông thôn.

### **5. An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản ở nông thôn**

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện, liên huyện.

- Xây dựng mô hình cộng đồng tự quản và giám sát an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp và các cơ sở sản xuất, chế biến.

- Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với việc cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất.

### **6. Công tác vệ sinh**

- Từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở.

### **7. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật**

a) Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, lưu trữ và vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo không phát tán ra môi trường.

b) Xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường.

c) Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương.

### **8. Tổ chức nhân rộng các mô hình hiện có về cấp nước sạch, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm**

a) Nhân rộng các mô hình tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

b) Nhân rộng các mô hình về cấp nước, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm có hiệu quả để đạt được các mục tiêu đề ra của Chương trình.

c) Lồng ghép các nội dung của Chương trình trong thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và địa phương.

*(Kế hoạch thực hiện chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực thực hiện chương trình**

- Chuyển đổi tư duy nhận thức, kiến thức, pháp luật, hành động của người dân, cán bộ nông thôn mới các cấp về các tác động của môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch đến sức khỏe của con người và các hoạt động sản xuất.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức truyền thông mới.

- Phát động phong trào thi đua chuyên đề và các cuộc thi về nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; đề xuất điển hình tiên tiến trong công tác bảo vệ môi trường nhằm biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến trong bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Tập huấn cho cán bộ nông thôn mới các cấp về Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và nhân rộng một số mô hình tổ khuyến nông cộng đồng, mô hình Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường để tham gia hỗ trợ, tư vấn nghiệp vụ cho địa phương thực hiện Chương trình.

## **2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới**

- Triển khai thực hiện quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn; hướng dẫn thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường vào các hương ước, quy ước, quy chế của địa phương; hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn thành lập và quy chế hoạt động của tổ cộng đồng tự quản về an toàn thực phẩm tại xã; hướng dẫn kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.

- Triển khai thực hiện các định mức, đơn giá về xử lý môi trường (nước thải, chất thải rắn) phù hợp với đặc thù khu vực nông thôn; mức cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Triển khai thực hiện áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm.

- Triển khai thực hiện về hạn mức vay cho nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

## **3. Khoa học và công nghệ**

- Chuyển giao và ứng dụng công nghệ về cấp nước và bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng giảm chi phí đầu tư và vận hành, kỹ thuật vận hành đơn giản, thân thiện với môi trường; ưu tiên lựa chọn các công nghệ sản xuất trong nước, công nghệ hiện đại, tuần hoàn và thân thiện với môi trường.

- Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Chương trình; lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **4. Huy động nguồn lực**

- Cân đối kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của các địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA, các dự án hợp tác quốc tế, đối ứng vốn vay, các chương trình, dự án, đề án khác cho thực hiện Chương trình; ưu tiên kinh phí phân bổ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các nhiệm vụ dựa vào cộng đồng, triển khai tại các xã khó khăn và các địa phương đặc thù về kinh tế, xã hội.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa, đóng góp của người sử dụng nước và các nguồn lực trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng với lãi suất ưu đãi, mở rộng biên độ cho vay, kéo dài thời gian vay vốn cho đầu tư xây dựng công trình về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn.

- Chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện Chương trình.

### **5. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; khuyến khích hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm bảo vệ môi trường đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường sau đầu tư tại địa phương.

- Cộng đồng dân cư, các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn xây dựng quy chế, hương ước, quy ước có nội dung cụ thể, rõ ràng; giám sát sử dụng các công trình của người dân địa phương.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và người dân trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

*(Kế hoạch thực hiện chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

### **V. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU VỐN**

Thực hiện theo quy định tại Mục VI Điều 1 của Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn thực hiện Chương trình bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

b) Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp được giao hàng năm.

c) Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, theo dõi, đôn đốc, giám sát, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tổng hợp nhu cầu vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trong kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm.

- Phát động phong trào thi đua chuyên đề và các cuộc thi về nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; đề xuất điển hình tiên tiến trong công tác bảo vệ môi trường nhằm biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến trong bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động.

- Triển khai hướng dẫn thực hiện quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn; hướng dẫn thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn.

- Hướng dẫn thành lập và quy chế hoạt động của tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm tại xã; hướng dẫn kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn.

- Hướng dẫn triển khai thực hiện việc xử lý chất thải và phụ phẩm trong nông nghiệp, sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bộ tài liệu hướng dẫn.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ nông thôn mới các cấp về Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường.



- Tham mưu cho UBND tỉnh định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình triển khai thực hiện chương trình; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình.

## **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Triển khai hướng dẫn thực hiện lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường vào các hương ước, quy ước, quy chế của địa phương; hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm bảo vệ môi trường sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn.

- Triển khai thực hiện các định mức, đơn giá về xử lý môi trường (nước thải, chất thải rắn) phù hợp với đặc thù khu vực nông thôn; mức cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình vào kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

## **4. Sở Tài chính**

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

## **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng; chuyển giao các công nghệ tiên tiến, phù hợp, thân thiện với môi trường.

- Tham mưu việc thực hiện áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá đối với các nội dung, hoạt động có liên quan sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Chương trình; lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **6. Sở Y tế**

Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho hệ thống cấp nước tập trung.

## **7. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai**

- Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hộ dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện trong Chương trình được vay vốn triển khai, vốn đối ứng, đóng góp xây dựng các mô hình.

- Triển khai hướng dẫn thực hiện về hạn mức vay cho nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn sau khi có hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

**8. Các sở, ban, ngành có liên quan:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan quy định tại Quyết định số 925/QĐ-TTg.

## **9. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường ở nông thôn.

- Phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về cấp nước sạch và bảo vệ môi trường; vận động, khuyến khích hình thành các tổ, đội, hợp tác xã bảo vệ môi trường đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường sau đầu tư tại địa phương.

- Tham gia giám sát, phản biện và đánh giá sự hài lòng của người hưởng thụ các mô hình đã triển khai thực hiện.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên cơ sở.

## **10. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

- Chỉ đạo tổ chức triển các mô hình điểm, mô hình nhân rộng của Chương trình; hàng năm, cân đối, bố trí ngân sách địa phương đối ứng, thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án khác và huy động các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư tham gia thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Chương trình và các mô hình điểm, mô hình nhân rộng thực hiện Chương trình tại địa phương.

## **11. Chế độ báo cáo**

Các sở, ngành, UBND cấp huyện gửi báo cáo định kỳ và đột xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình UBND tỉnh; cụ thể:

Báo cáo đột xuất: Khi có yêu cầu của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Báo cáo định kỳ: Báo cáo trước ngày 10 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 05 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những thiếu sót, bất cập các sở, ngành, đơn vị, địa phương có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định. /

**Nơi nhận:** Hà.

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Mah Tiệp**

**Phụ lục**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHƯƠNG TRÌNH TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,**  
**AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
**TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2021-2025**



*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 490 /KH-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh)*

| TT       | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                   | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện                                      |
|----------|---|-----------------------------------|--|--|
| <b>I</b> | <b>Tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</b>   |                                   |  |  |
| 1        | Tổ chức tập huấn cho cán bộ nông thôn mới các cấp về Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường                      | Sở Nông nghiệp và PTNT            | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố                                 | 2023-2025  |
| 2        | Xây dựng và nhân rộng một số mô hình tổ khuyến nông cộng đồng, mô hình Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường để tham gia hỗ trợ, tư vấn nghiệp vụ cho địa phương thực hiện Chương trình  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT   | 2023-2025  |
| 3        | Hướng dẫn tham gia phong trào thi đua chuyên đề và các cuộc thi về nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; điển hình tiên tiến trong công tác bảo vệ môi trường nhằm biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến trong bảo vệ | Sở Nông nghiệp và PTNT            | Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố | sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động |

| TT        | Nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì                   | Cơ quan phối hợp  | Thời gian thực hiện |
|-----------|--|-----------------------------------|---|---------------------|
|           | môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động.  |                                   |   |                     |
| <b>II</b> | <b>Phân loại, thu gom, trung chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý nước thải</b>  |                                   |   |                     |
| 1         | Hướng dẫn và hỗ trợ (kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học) xây dựng mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn quy mô hộ gia đình và cộng đồng dân cư và xử lý rác thải (phân bón hữu cơ, nhựa tái chế,...) sau khi phân loại theo hướng tái chế và tuần hoàn khép kín. | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT                                 | 2023-2025           |
| 2         | Xây dựng mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn quy mô hộ gia đình và cộng đồng dân cư và xử lý rác thải (phân bón hữu cơ, nhựa tái chế,...) sau khi phân loại theo hướng tái chế và tuần hoàn khép kín.   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT                                 | 2023-2025           |
| 3         | Hình thành mạng lưới thu gom ( <i>các tổ, đội, hợp tác xã trong thu gom, tập kết chất thải</i> ) gắn với hoàn thiện điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trước khi xử lý tập trung ( <i>đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan</i> ) quy mô thôn, xã.   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025           |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>            | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|---|-----------------------------------|---|----------------------------|
| 4         | Xây dựng một số mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (như sản phẩm phân bón hữu cơ, nhựa tái chế ...)  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025                  |
| 5         | Xây dựng một số mô hình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                                   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ                               | 2023-2025                  |
| 6         | Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng | UBND các huyện, thị xã, thành phố |   | 2023-2025                  |
| 7         | Xây dựng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và khu dân cư phù hợp với đặc thù của từng địa phương.   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội                         | 2023-2025                  |
| 8         | Triển khai thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ                               | 2023-2025                  |

| TT         | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                   | Cơ quan phối hợp                                       | Thời gian thực hiện |
|------------|---|-----------------------------------|--|---------------------|
|            | sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn  |                                   |  |                     |
| <b>III</b> | <b>Cấp nước sạch, trữ nước ngọt tại các vùng khó khăn về nguồn nước</b>   |                                   |  |                     |
| 1          | Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước   | UBND các huyện, thị xã, thành phố |  | 2023-2025           |
| 2          | Hỗ trợ xây dựng mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước (vùng hạn hán, thiếu nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và thích ứng với biến đổi khí hậu,...)   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025           |
| 3          | Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có (trong đó tập trung nâng cấp công nghệ xử lý chất lượng nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu) | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT                                 | 2023-2025           |
| 4          | Hỗ trợ xây dựng thí điểm một số mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình, mô hình cấp nước hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình chưa có khả năng tiếp cận với  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025           |



| TT        | Nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì                   | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện                                     |
|-----------|--|-----------------------------------|--|---|
|           | nguồn nước sinh hoạt tập trung   |                                   |  |   |
| <b>IV</b> | <b>Kinh tế tuần hoàn trong xử lý chất thải và phụ phẩm nông nghiệp</b>   |                                   |  |   |
| 1         | Hướng dẫn triển khai thực hiện việc xử lý chất thải và phụ phẩm trong nông nghiệp, sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bộ tài liệu hướng dẫn | Sở Nông nghiệp và PTNT            | Sở Tài nguyên và môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố | sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành |
| 2         | Xây dựng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, khép kín, đa giá trị  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội   | 2023-2025   |
| 3         | Xây dựng mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ    | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội   | 2023-2025   |
| 4         | Xây dựng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội            | 2023-2025   |
| <b>V</b>  | <b>Cải tạo cảnh quan nông thôn, môi trường làng nghề theo hướng xanh và bền vững</b>   |                                   |  |   |
| 1         | Xây dựng mô hình cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng khi bị ô nhiễm.   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội            | 2023-2025   |



| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>            | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--|-----------------------------------|---|----------------------------|
| 2         | Xây dựng mô hình cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp gắn với văn hoá vùng, miền; phát triển các tuyến đường hoa, cây xanh bóng mát.  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025                  |
| 3         | Xây dựng mô hình cải tạo môi trường làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với phát triển du lịch nông thôn.  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025                  |
| <b>VI</b> | <b>An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản ở nông thôn</b>   |                                   |   |                            |
| 1         | Xây dựng mô hình cộng đồng tự quản và giám sát an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp và các cơ sở sản xuất, chế biến.   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội | 2023-2025                  |
| 2         | Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn gắn với việc cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc...  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT  | 2023-2025                  |
| 3         | Xây dựng mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện, liên huyện  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội                              | 2023-2025                  |
| 4         | Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất | UBND các huyện, thị xã, thành phố |   | 2023-2025                  |

| TT          | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                   | Cơ quan phối hợp                                      | Thời gian thực hiện |
|-------------|---|-----------------------------------|---|---------------------|
| <b>VII</b>  | <b>Công tác vệ sinh</b>   |                                   |   |                     |
| 1           | Từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các tổ chức chính trị - xã hội                        | 2023-2025           |
| 2           | Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở     | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các tổ chức chính trị - xã hội                        | 2023-2025           |
| <b>VIII</b> | <b>Bao gói thuốc bảo vệ thực vật</b>  |                                   |   |                     |
| 1           | Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, lưu trữ và vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo không phát tán ra môi trường  | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các tổ chức chính trị - xã hội                        | 2023-2025           |
| 2           | Hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường | 2023-2025           |



| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>                                  | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b>                        |
|-----------|---|---|---|---|
| 3         | Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương                      | UBND các huyện, thị xã, thành phố                       | Sở Tài nguyên và Môi trường   | 2023-2025   |
| <b>IX</b> | <b>Tổ chức nhân rộng các mô hình hiện có về cấp nước, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm</b>  |   |   |   |
| 1         | Nhân rộng các mô hình tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở   | UBND các huyện, thị xã, thành phố                       | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội       | 2023-2025   |
| 2         | Nhân rộng các mô hình về cấp nước, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm có hiệu quả để đạt được các mục tiêu đề ra của Chương trình               | UBND các huyện, thị xã, thành phố                       | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội       | 2023-2025   |
| 3         | Lồng ghép các nội dung của Chương trình trong thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và địa phương                    | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố |   | 2023-2025   |
| <b>X</b>  | <b>Hoàn thiện cơ chế chính sách, phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới</b>  |   |   |   |
| 1         | Triển khai hướng dẫn thực hiện quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn; hướng dẫn thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình         | Sở Nông nghiệp và PTNT                                  | Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố                         | sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn |
| 2         | Triển khai hướng dẫn thực hiện lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường vào các hương ước, quy ước, quy chế của địa phương; hướng dẫn tổ chức và | Sở Tài nguyên và Môi trường                             | Sở Nông nghiệp và PTNT; Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố | sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành      |



| TT | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                          | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện                                   |
|----|---|--|--|---|
|    | hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm bảo vệ môi trường.  |  |  |   |
| 3  | Hướng dẫn thành lập và quy chế hoạt động của tổ cộng đồng tự quản về an toàn thực phẩm tại xã; hướng dẫn kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuân hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.              | Sở Nông nghiệp và PTNT                   | Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố  | sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành               |
| 4  | Tham mưu việc thực hiện áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá đối với các nội dung, hoạt động có liên quan về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố | sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành             |
| 5  | Tham mưu triển khai thực hiện áp dụng các định mức, đơn giá về xử lý môi trường (nước thải, chất thải rắn) phù hợp với đặc thù khu vực nông thôn; mức cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.  | Sở Tài nguyên và Môi trường              | Sở Nông nghiệp và PTNT; Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố                              | sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành          |
| 6  | Tham mưu triển khai thực hiện về hạn mức cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.   | Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai | Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố  | sau khi Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam ban hành |



| TT | Nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện |
|----|--|------------------------|--|---------------------|
| XI | <b>Rà soát, xác định lại số liệu về hiện trạng các chỉ tiêu tại phần mục tiêu của Kế hoạch</b> | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | trước tháng 6/2023  |

